



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2022/BB-ĐHĐCĐ/HPM

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2022

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC

Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc
Trụ sở chính: Khu 6, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam.
Mã số doanh nghiệp: 4900270327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 18/02/2008, thay đổi lần thứ 9 ngày 29/03/2022.

Hôm nay, ngày 10 tháng 05 năm 2022, vào hồi 09 giờ tại địa chỉ: Phòng 1201, Tòa nhà Charmvit, số 117, đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc được tiến hành với các nội dung sau:

PHẦN 1: KHAI MẠC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đã nghe Ông Đỗ Mạnh Hùng - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và đại diện cổ đông dự họp như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là 95 cổ đông, sở hữu và đại diện cho tổng số 3.800.000 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 là 09 người, sở hữu hoặc đại diện đối với 3.017.600 cổ phần, tương đương với 79,41% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.

1. Khai mạc Đại hội

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, giới thiệu thành phần tham dự.

1.1. Chủ tọa và bộ phận giúp việc Chủ tọa

Căn cứ vào Giấy ủy quyền của Bà Võ Thị Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị cho Bà Dương Thị Mùi – thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp.

Đại hội đã thông qua đoàn chủ tịch điều hành Đại hội gồm các ông bà có tên sau:



Bà Dương Thị Mùi – TV HĐQT Công ty
Ông: Nguyễn Trường Sơn - Tổng Giám đốc Công ty

Chủ tọa điều hành cuộc họp
Thành viên Đoàn Chủ tọa

1.2. Ban Thư ký Đại hội

Đại hội đã thông qua Ban Thư ký gồm:

1. Ông Phạm Đăng Hoàng Duy Trưởng ban
2. Bà Bùi Thị Hải Yến Thành viên

1.3. Ban kiểm phiếu

Đại hội đã thông qua Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông Đỗ Mạnh Hùng Trưởng ban
2. Ông Phạm Đăng Hoàng Duy Thành viên

2. Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Trường Sơn thay mặt Đoàn Chủ tọa trình bày Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Quy chế làm việc, Nội dung Chương trình họp và Quy chế tổ chức Đại hội đã được 100% cổ đông có mặt tại Đại hội biểu quyết thông qua bằng thẻ biểu quyết.

PHẦN 2: PHÂN BÁO CÁO

1. Ông Nguyễn Trường Sơn – Tổng Giám đốc Công ty thay mặt ban Chủ tọa trình bày nội dung:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022. (Báo cáo số 06/BC-ĐHĐCĐ/HPM ngày 19/4/2022)

2. Ông Nguyễn Trường Sơn trình bày các nội dung:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2022 (Báo cáo số 05/BC-ĐHĐCĐ/HPM ngày 19/4/2022).

- Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

- Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua chi trả thù lao năm 2021 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 cho thành viên HĐQT;

- Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2022;

- Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua giao dịch với các bên có liên quan;

- Tờ trình của HĐQT về việc thay đổi mô hình tổ chức, quản lý Công ty;

- Tờ trình của HĐQT về việc bổ sung ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tờ trình của HĐQT thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT;

- Tờ trình của HĐQT về việc Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

- Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua miễn nhiệm, bầu HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027;

3. Ông Nguyễn Trường Sơn - Tổng Giám đốc thay mặt Trưởng BKS trình bày các nội

dung:

- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2021;
- Tờ trình của BKS về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022;

PHẦN 3: CÁC Ý KIẾN THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Các cổ đông của Công ty thảo luận và đặt câu hỏi liên quan đến các nội dung trình Đại hội, kế hoạch kinh doanh, đầu tư phát triển và được Đoàn chủ tọa đại hội giải trình chi tiết.

PHẦN 4: ĐẠI HỘI TIỀN HÀNH BIỂU QUYẾT VÀ KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI NHƯ SAU

Ông Đỗ Mạnh Hùng – Trưởng Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu tại Đại hội, kết quả cụ thể như sau:

- Tổng số Thẻ biểu quyết phát ra: **05** thẻ, đại diện cho: **3.017.600** cổ phần, chiếm **79,41%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;
- Tổng số Thẻ biểu quyết thu về: **05** thẻ, đại diện cho: **3.017.600** cổ phần, chiếm **79,41%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội trong đó:
- Số thẻ biểu quyết hợp lệ: **05** thẻ, đại diện cho: **3.017.600** cổ phần, chiếm **79,41%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;
- Số thẻ biểu quyết không hợp lệ: **0** thẻ, đại diện cho: **0** cổ phần, chiếm **0%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2022.

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2021

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc chi trả thù lao năm 2021 cho thành viên HĐQT, BKS và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 cho thành viên HĐQT

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2022.

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình của BKS về việc thông qua lựa chọn tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc ký kết các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 9: Thông qua tờ trình của HĐQT Công ty về việc thay đổi mô hình quản lý, quản trị Công ty.

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 10: Thông qua tờ trình của HĐQT Công ty về việc bổ sung thêm ngành nghề mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc Thông qua việc bổ sung sửa đổi Điều lệ Công ty.

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 12: Thông qua Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 13: Thông qua Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT

- *Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.*

- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.

Nội dung 14: Tờ trình của HĐQT về việc miễn nhiệm nhiệm kỳ (2018-2022) và các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty

- Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.

Nội dung 15: Tờ trình của HĐQT về việc bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2022 -2027.

- Tán thành: 3.017.600 cổ phần, chiếm 100% cổ phần tham dự đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% cổ phần tham dự đại hội.

PHẦN 5: BẦU THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2022-2027

Ông Đỗ Mạnh Hùng - Trưởng Ban kiểm phiếu công bố dự thảo Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết: 100% số phiếu tán thành thông qua Quy chế bầu cử bằng phương thức giơ thẻ biểu quyết.

Bà Dương Thị Mùi công bố các thông báo về việc các nhóm cổ đông, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 và trình Đại hội Danh sách các ứng viên tham gia bầu cử vào HĐQT tại Tờ trình số 19/TTr-ĐHĐCĐTN/HPM ngày 10/05/2022.

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết: 100% thông qua danh sách ứng cử viên thành viên HĐQT bằng phương thức giơ thẻ biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông tiến hành bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu.

Kết quả như sau:

+ Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Số phiếu bầu | Tỷ lệ |
|-----|-------------------|-------------------------|--------------|---------|
| 1 | Lê Thanh Hồng | Thành viên HĐQT | 3.464.800 | 114,82% |
| 2 | Nguyễn Trường Sơn | Thành viên HĐQT | 2.905.800 | 96,30% |
| 3 | Lê Văn Thành | Thành viên HĐQT | 2.905.800 | 96,30% |
| 4 | Nguyễn Cao Đăng | Thành viên HĐQT | 2.905.800 | 96,30% |
| 5 | Phạm Đức Thắng | Thành viên HĐQT độc lập | 2.905.800 | 96,30% |

+ Kết quả trúng cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Số phiếu bầu | Tỷ lệ |
|-----|-------------------|-------------------------|--------------|---------|
| 1 | Lê Thanh Hồng | Thành viên HĐQT | 3.464.800 | 114,82% |
| 2 | Nguyễn Trường Sơn | Thành viên HĐQT | 2.905.800 | 96,30% |
| 3 | Lê Văn Thành | Thành viên HĐQT | 2.905.800 | 96,30% |
| 4 | Nguyễn Cao Đăng | Thành viên HĐQT | 2.905.800 | 96,30% |
| 5 | Phạm Đức Thắng | Thành viên HĐQT độc lập | 2.905.800 | 96,30% |

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 ra mắt Đại hội

PHẦN 6: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Ông Phạm Đăng Hoàng Duy – Trưởng ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Bà Dương Thị Mùi thay mặt Đoàn Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản này được lập lúc 11 giờ 30 phút ngày 10 tháng 05 năm 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc và được toàn thể cổ đông tham dự đại hội đồng ý tán thành thông qua.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



PHẠM ĐĂNG HOÀNG DUY

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



DƯƠNG THỊ MÙI





ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc;
- Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc;
- Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/BB-ĐHĐCĐ/HPM của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và kế hoạch kinh doanh, đầu tư năm 2022.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán.

Điều 5: Thông qua Tờ trình số 09/TTr- ĐHĐCĐ TN 2022/HPM ngày 19/4/2022 của HĐQT về việc chi trả thù lao năm 2021 cho thành viên HĐQT, BKS và kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 cho thành viên HĐQT.

Điều 6: Thông qua Tờ trình số 10/TTr- ĐHĐCĐ TN 2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT về việc Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư năm 2022.

Điều 7: Thông qua Tờ trình số 11/TTr- ĐHĐCĐ TN 2022/HPM ngày 19/04/2022 của Ban kiểm soát về việc Thông qua kế hoạch lựa chọn tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Điều 8: Thông qua Tờ trình số 12/TTr- ĐHĐCĐ TN 2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT về việc Thông qua việc ký kết các Hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan.

Điều 9: Thông qua Tờ trình số 13/TTr- ĐHĐCĐ TN 2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT về việc thay đổi mô hình quản lý, quản trị Công ty.



Điều 10: Thông qua Tờ trình số 17/TTr- ĐHĐCĐTN2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT về việc bổ sung thêm ngành nghề, mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 11: Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty tại Tờ trình số 14/TTr- ĐHĐCĐTN2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT.

Điều 12: Thông qua Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty tại Tờ trình số 15/TTr- ĐHĐCĐTN2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT.

Điều 13: Thông qua Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT tại Tờ trình số 16/TTr- ĐHĐCĐTN2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT.

Điều 14: Thông qua Tờ trình số 18/TTr-ĐHĐCĐTN2022/HPM ngày 19/04/2022 của HĐQT về việc miễn nhiệm nhiệm kỳ và các thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018-2022.

Điều 15: Thông qua Tờ trình số 19/TTr-ĐHĐCĐTN2022/HPM ngày 10/05/2022 của HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Điều 16: Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các thành viên:

1. Ông Lê Thanh Hồng - Thành viên HĐQT
2. Ông Nguyễn Trường Sơn - Thành viên HĐQT
3. Ông Lê Văn Thành - Thành viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Cao Đăng - Thành viên HĐQT
5. Ông Phạm Đức Thắng - Thành viên HĐQT độc lập

Điều 17: Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này gồm 17 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các TV HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu HCNS.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



DƯƠNG THỊ MÙI



Số: 14/TTr-ĐHCĐTN2022/HPM

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc – HPM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 26/11/2019 và các văn bản hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐQT/HPM ngày 18/04/2022 về việc thông qua báo cáo, tờ trình và một số chỉ tiêu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nhằm đảm bảo phù hợp Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực từ 01/01/2021, đảm bảo quyền lợi hợp pháp mỗi cổ đông đầu tư vào Công ty cũng như tăng cường hiệu quả hoạt động quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành. Dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HCNS, HĐQT;
- Lưu TL ĐHCĐ 2022.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---***---

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI
VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 5 năm 2022

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| PHẦN MỞ ĐẦU | 4 |
| CHƯƠNG I | 4 |
| ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 4 |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ | 4 |
| CHƯƠNG II..... | 5 |
| TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY..... | 5 |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty | 5 |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty | 6 |
| CHƯƠNG III | 6 |
| MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 6 |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty..... | 6 |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty | 7 |
| CHƯƠNG IV | 7 |
| VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP..... | 7 |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập | 7 |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu | 8 |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác | 8 |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần | 8 |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần | 9 |
| CHƯƠNG V | 9 |
| CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT | 9 |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị của Công ty..... | 9 |
| CHƯƠNG VI | 10 |
| CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 10 |
| Điều 12. Quyền của Cổ đông..... | 10 |
| Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông | 11 |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông..... | 12 |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông..... | 13 |
| Điều 16. Thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông..... | 14 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền | 15 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông..... | 16 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông..... | 17 |
| Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..... | 18 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua..... | 20 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 21 |
| Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 22 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 23 |
| CHƯƠNG VII..... | 23 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 23 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị..... | 23 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị..... | 24 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị..... | 25 |
| Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị..... | 26 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị..... | 26 |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị..... | 27 |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị..... | 29 |
| Điều 32. Ủy ban Kiểm toán..... | 29 |
| Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty..... | 30 |
| CHƯƠNG VIII..... | 31 |
| TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 31 |
| Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý..... | 31 |
| Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp..... | 31 |
| Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc..... | 32 |
| CHƯƠNG IX..... | 33 |
| TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC..... | 33 |
| Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng..... | 33 |
| Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 33 |
| Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường..... | 34 |
| CHƯƠNG X..... | 35 |
| QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY..... | 35 |
| Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ..... | 35 |
| CHƯƠNG XI..... | 35 |
| CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN..... | 35 |
| Điều 41. Công nhân viên và công đoàn..... | 35 |
| CHƯƠNG XII..... | 36 |
| PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN..... | 36 |
| Điều 42. Phân phối lợi nhuận..... | 36 |
| CHƯƠNG XIII..... | 36 |

| | |
|--|-----------|
| TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN | 36 |
| | |
| Điều 43. Tài khoản ngân hàng..... | 36 |
| Điều 44. Năm tài chính..... | 37 |
| Điều 45. Chế độ kế toán | 37 |
| CHƯƠNG XIV..... | 37 |
| BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN | 37 |
| Điều 46. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý | 37 |
| Điều 47: Báo cáo thường niên | 38 |
| CHƯƠNG XV | 38 |
| KIỂM TOÁN CÔNG TY | 38 |
| Điều 48. Kiểm toán..... | 38 |
| CHƯƠNG XVI..... | 38 |
| DẤU CỦA DOANH NGHIỆP | 38 |
| Điều 49. Dấu của doanh nghiệp..... | 38 |
| CHƯƠNG XVII..... | 38 |
| GIẢI THỂ CÔNG TY | 38 |
| Điều 50. Giải thể công ty..... | 38 |
| Điều 51. Gia hạn hoạt động..... | 39 |
| Điều 52. Thanh lý | 39 |
| CHƯƠNG XVIII | 39 |
| GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ..... | 39 |
| Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ..... | 39 |
| CHƯƠNG XIX..... | 40 |
| BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ | 40 |
| Điều 54. Điều lệ công ty..... | 40 |
| CHƯƠNG XX..... | 40 |
| NGÀY HIỆU LỰC | 40 |
| Điều 55. Ngày hiệu lực..... | 40 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là của Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc (“**Công ty**”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty, một Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và các quyết định khác do Công ty ban hành sẽ là những quy tắc ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua và ban hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/05/2022 (sau đây được gọi là “**Điều lệ**”) và thay thế cho các bản Điều lệ của Công ty đã ban hành trước đó.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. *Vốn điều lệ*: là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
 - b. *Vốn có quyền biểu quyết*: là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
 - d. *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.
 - g. *Người điều hành doanh nghiệp*: là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
 - h. *Người quản lý doanh nghiệp*: là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
 - i. *Người có liên quan*: là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - j. *Cổ đông*: là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
 - k. *Cổ đông lớn*: là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - l. *Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị*: là Thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

- m. *Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành*: là Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
 - n. *Thành viên Hội đồng Quản trị điều hành*: là Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tham gia điều hành các hoạt động hàng ngày của một phần hay toàn bộ Công ty.
 - o. *Bên có quyền lợi liên quan*: bất kỳ cá nhân, tổ chức hay cộng đồng nào nói chung có thể ảnh hưởng đến và/hoặc chịu ảnh hưởng bởi chiến lược, chính sách, quyết định và hoạt động kinh doanh của Công ty nói chung. Đối tượng này bao gồm khách hàng, chủ nợ, nhân viên, nhà cung cấp, nhà đầu tư, và cả chính quyền và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.
 - p. *Đại hội truyền thống*: là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, Cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - q. *Đại hội trực tuyến*: là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép Cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
 - r. *Thời hạn hoạt động*: là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
 - s. *Sở giao dịch chứng khoán*: là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật doanh nghiệp (nếu không có mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HOANG PHUC MINERAL TRADING AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên Công ty viết tắt: **HPM**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu 6, Thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
 - Điện thoại:
 - Fax:
 - Email: info@hoangphucasia.com
 - Website: http://hoangphucasian.com
4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 02 người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật quy định tại Điều 12 Luật Doanh nghiệp và có phụ lục phân chia công việc, trách nhiệm theo từng giai đoạn, thời kỳ, được Hội đồng Quản trị thông qua và chấp thuận bằng văn bản.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

| Mã ngành | Chi tiết |
|---------------------|--|
| 0510 | Khai thác và thu gom than cứng |
| 0520 | Khai thác và thu gom than non |
| 0710 (Chính) | Khai thác quặng sắt |
| 0722 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt |
| 0810 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét |
| 5210 | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa |
| 5510 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày |
| 4663 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn nhựa đường trong xây dựng |
| 4752 | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nhựa đường trong xây dựng |
| 5610 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động |
| 4100 | Xây dựng nhà các loại |
| 4210 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ |
| 4220 | Xây dựng công trình công ích |

| Mã ngành | Chi tiết |
|-----------------|--|
| 4290 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác |
| 4321-43210 | Lắp đặt hệ thống điện |
| 4610 | Đại lý, môi giới, đấu giá |
| 4652 | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông |
| 4659 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác |
| 46592 | Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) |
| 46595 | Bán buôn máy móc, thiết bị y tế |
| 4933 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ |
| 6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. |
| 6820 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. |
| 7911 | Đại lý du lịch |
| 7912 | Điều hành tua du lịch |
| 7920 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu hoạt động của Công ty là sử dụng, phát huy cao nhất nguồn lực hiện có, không ngừng phát triển, mở rộng nguồn vốn, cơ sở vật chất và các lĩnh vực theo chức năng, ngành nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để đạt được lợi nhuận cao nhất trên cơ sở nâng cao chất lượng quản lý, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống cho người lao động, lợi ích của các Cổ đông, lợi ích Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng vững vàng, lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.
2. Công ty có quyền kinh doanh các ngành nghề, lĩnh vực mà Pháp luật không cấm.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 38.000.000.000 đồng (Ba mươi tám tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ được chia thành 3.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông được gọi là Cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
5. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
6. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ

nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Việc thu hồi sẽ bao gồm tất cả các cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị;
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.
 - d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình.
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các Cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông.
 - j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.
 - k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
 - a. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ liên quan khác về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền (nếu có).

- b. Xem xét, tra cứu, trích lục số Biên bản và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:
- a. Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định thì Cổ đông đó và người có lợi ích

liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
5. Bảo mật thông tin được cung cấp theo quy định tại Điều lệ, chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao chụp, gửi thông tin được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử và phương tiện khác.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật.
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường và địa điểm họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để trả lời các nội dung liên quan đến Báo cáo tài chính của Công ty.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.

- c. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này.
 - b. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, Hội đồng Quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại Khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.
Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này và Khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị.
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
 - e. Thông qua định hướng phát triển Công ty.
- 2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác:
 - a. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.

- b. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty.
 - c. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị.
 - d. Tổng số tiền thù lao của các Thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị.
 - e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.
 - f. Loại cổ phần và số lượng cổ phần cho mỗi loại cổ phần.
 - g. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - h. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty.
 - i. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 80% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
 - j. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - k. Công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.
 - l. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - m. Phê duyệt Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
 - b. Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 16. Thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
 - d. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
2. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên Cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và có chữ ký của Bên ủy quyền và Bên được ủy quyền và phải tuân theo các quy định sau đây:
- a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - b. Trường hợp Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - d. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
5. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ 51% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 65% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 65% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức truyền thống hoặc hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức Đại hội truyền thống. Các vấn đề liên quan đến việc tổ chức Đại hội có hình thức trực tuyến sẽ áp dụng theo quy định về tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử do Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngoài ra Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự Đại hội tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội.
 - d. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách Cổ đông có quyền dự họp chậm nhất (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo

được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
 - c. Phiếu biểu quyết.
 - d. Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành Nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - b. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
 - c. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

- d. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa Đại hội có quyền sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
11. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (địa điểm chính của Đại hội);
 - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều Khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội.
12. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh

nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc Lấy ý kiến bằng văn bản và hình thức khác, kể cả các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 80% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán.
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua Nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc theo phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu Thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng Quản trị xác lập tại Thẻ lệ bầu cử.

Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên cho số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết.
 - c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục Danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết.
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - e. Các vấn đề đã được thông qua.
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm phiếu phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản phải được số Cổ đông đại diện ít nhất (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.
 - f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i. Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp thì Biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham

dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký Biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung Biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục Danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
6. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục Danh sách Cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của Cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc một phần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản và ra Quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
- Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu

làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - b. Trình độ học vấn.
 - c. Trình độ chuyên môn.
 - d. Quá trình công tác.
 - e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác).
 - f. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).
 - h. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị như sau:
- Nhóm Cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 30% được đề cử một (01) ứng viên.
 - Nhóm Cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.
 - Nhóm Cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
 - Nhóm Cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.
 - Nhóm Cổ đông nắm giữ từ 90% trở lên được tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị như sau:
Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo:
Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành.
Tối thiểu có 01 thành viên độc lập trong số thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Điểm i, k, l Khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
 - j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.
 - k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
 - l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
 - m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.
 - n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 - o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty.
 - q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc Người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 2. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
- 6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- 1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu Chủ tịch.
- 2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của Công ty.
- 3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - b. Chịu trách nhiệm chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

- d. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Kiến nghị lên Hội đồng Quản trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc. Thay mặt Hội đồng Quản trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.
 - g. Ban hành các Quyết định, Quy chế tổ chức, quản lý, điều hành áp dụng với Công ty.
 - h. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn ba mươi (30) ngày.
5. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng Quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, Hội đồng Quản trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác.
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
 - d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 có quyền triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

5. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
6. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, và Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp có thể tổ chức theo phương pháp trực tuyến hoặc các biện pháp khác thuận tiện hơn và phù hợp được quy định tại Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.
8. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này.
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác được quy định tại Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.
9. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng Quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

10. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về các chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị. Quy chế hoạt động, cơ cấu thành viên do Hội đồng Quản trị quyết định và được quy định cụ thể.
3. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Ủy ban Kiểm toán

1. Công ty có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
5. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.
6. Cuộc họp Ủy ban Kiểm toán: Ủy ban Kiểm toán họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 năm. Biên bản họp được lập rõ ràng, chi tiết và phải được lưu trữ đầy đủ. Người ghi Biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào Biên bản cuộc họp. Ủy ban Kiểm toán thông qua Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trường hợp ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.
7. Báo cáo hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong Ủy ban Kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
Báo cáo gồm các nội dung: Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán; Kết quả giám sát đối với Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty; Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty; Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp; Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông; các nội dung khác.
8. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức hoạt động của Ủy ban Kiểm toán sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.

Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật.

- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng Quản trị.
3. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
 4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - d. Tham dự các cuộc họp.
 - e. Tư vấn thủ tục lập các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao Biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị.
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc;
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 - b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.
 - c. Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. Kiến nghị với Hội đồng Quản trị về phương án Cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
 - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
 - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
 - g. Tuyển dụng lao động.
 - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Được Hội đồng Quản trị thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải được báo cáo tới Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan.
 - b. Được Đại hội đồng cổ đông thông qua những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành

viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác phải được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
 - Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ Biên bản và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, Báo cáo của Ủy ban Kiểm toán, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra Danh sách Cổ đông, các Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, Danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các Quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng Quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng Quản trị thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt Danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và Báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Báo cáo sáu tháng được soát xét và Báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47: Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Bản sao của Báo cáo kiểm toán được đính kèm Báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVI DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 49. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng Quản trị quyết định thông qua số lượng con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 50. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn (nếu có).
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

- Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Gia hạn hoạt động

- Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
- Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 52. Thanh lý

- Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý.
 - Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
 - Nợ thuế.
 - Các khoản nợ khác của Công ty.
 - Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - Cổ đông với Công ty.
 - Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.
 - Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ

tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi (20) chương, năm mươi lăm (55) điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc nhất trí thông qua ngày 10 tháng 05 năm 2022 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị như nhau, và được lưu giữ tại Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế cho tất cả các Điều lệ đã được thông qua trước đó của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Thanh Hồng

Số: 15/TT-ĐHCĐTN2022/HPM

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc – HPM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 26/11/2019 và các văn bản hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐQT/HPM ngày 18/04/2022 về việc thông qua báo cáo, tờ trình và một số chỉ tiêu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nhằm tăng hiệu quả quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đã thực hiện xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo tiêu chuẩn của Công ty đại chúng được quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC. Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HCNS, HĐQT;
- Lưu TL ĐHCĐ 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





DỰ THẢO

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ
KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 05 năm 2022

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC
*(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/HPM ngày 10/05/2022 của Đại hội đồng cổ
đồng thường niên năm 2022)*

MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| CHƯƠNG I | 1 |
| QUY ĐỊNH CHUNG | 1 |
| Điều 1: Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. | 1 |
| Điều 2: Giải thích từ ngữ. | 1 |
| CHƯƠNG II | 2 |
| TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 2 |
| Điều 3. Đưa ra các quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | 2 |
| Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; | 3 |
| Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông. | 3 |
| Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông. | 3 |
| Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, Thông báo kết quả biểu quyết. | 4 |
| Điều 8. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. | 5 |
| Điều 9. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông. | 5 |
| Điều 10. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng. | 6 |
| Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. | 6 |
| CHƯƠNG III | 6 |
| ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 6 |
| Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị. | 6 |
| Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị. | 7 |
| Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị. | 8 |
| Điều 15. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. | 9 |
| Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. | 9 |
| Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. | 10 |
| CHƯƠNG IV | 10 |
| TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 10 |
| Điều 18. Thông báo họp Hội đồng quản trị. | 10 |
| Điều 19. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị. | 10 |
| Điều 20. Cách thức biểu quyết. | 11 |
| Điều 21. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị. | 12 |

| | |
|--|-----------|
| Điều 22. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị. | 12 |
| Điều 23. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị. | 12 |
| CHƯƠNG IV | 13 |
| THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 13 |
| Điều 24. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị. | 13 |
| LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY | 14 |
| Điều 26. Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty. | 14 |
| Điều 27. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của Công ty. | 14 |
| Điều 28. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành. | 15 |
| Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành | 15 |
| Điều 30. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành. | 16 |
| CHƯƠNG VI | 16 |
| PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC | 16 |
| Điều 31. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. | 16 |
| Điều 32: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc. | 16 |
| CHƯƠNG VII | 18 |
| QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ | 18 |
| Điều 33. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc. | 18 |
| Điều 34. Khen thưởng | 18 |
| Điều 35. Xử lý vi phạm và kỷ luật. | 18 |
| CHƯƠNG VIII | 19 |
| LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY | 19 |
| Điều 36. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. | 19 |
| Điều 37. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty. | 19 |
| Điều 38. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. | 19 |
| Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty. | 19 |
| CHƯƠNG IX | 19 |
| BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN | 19 |
| Điều 40. Nghĩa vụ công bố thông tin. | 19 |
| Điều 41. Công bố thông tin về quản trị Công ty. | 19 |
| Điều 42. Tổ chức công bố thông tin. | 20 |
| CHƯƠNG X | 20 |
| CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM | 20 |
| Điều 43. Báo cáo | 20 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 44. Giám sát. | 21 |
| CHƯƠNG XI | 21 |
| SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ | 21 |
| Điều 46. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty. | 21 |
| CHƯƠNG XII | 21 |
| ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH | 21 |
| Điều 47. Điều khoản thi hành. | 21 |
| Điều 48. Hiệu lực | 21 |

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về quản trị và Điều lệ tổ chức của Công ty.
2. Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người điều hành khác của Công ty.
3. Quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc.
4. Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
 - d. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - e. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Công ty;
 - f. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên điều hành ủy quyền khác;
 - g. Quy định về đánh giá hằng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và những thành viên điều hành khác;
 - h. Quy định báo cáo và công bố thông tin.
5. Đối tượng áp dụng của quy chế này bao gồm:
 - a. Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc;
 - b. Cổ đông và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
 - c. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, thành viên điều hành khác của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty;
 - d. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Điều 2: Giải thích từ ngữ.

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:
 - a. “Quản trị công ty”: Là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:
 - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị;

- Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các Cổ đông;
 - Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty.
- b. “Công ty”: Là Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc.
 - c. “Điều lệ”: Là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.
 - d. “Cổ đông”: Là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; hoặc một hồ sơ, tài liệu tương tự theo quy định của Luật Chứng khoán đối với mọi công ty niêm yết với tư cách là người sở hữu cổ phần.
 - e. “Đại hội đồng Cổ đông”: Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết.
 - f. “Người có liên quan”: Là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - g. “Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành”: Là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
 - h. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị”: Là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành.
 - i. "Người điều hành": Là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, ủy quyền.
 - j. “Ban điều hành”: Bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
 - k. “Người có quan hệ gia đình”: Bao gồm vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đưa ra các quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề sau về triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Ngày đăng ký cuối cùng.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp.

4. Thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông tới các Cổ đông.
5. Hình thức, nội dung và cách thức biểu quyết.
6. Các vấn đề khác có liên quan trong phạm vi thẩm quyền.

Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, trong đó nêu rõ các nội dung ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện các quyền, ngày giao dịch mà người mua không được hưởng quyền, lý do và mục đích họp cũng như thời gian, địa điểm và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông dự kiến.

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả phí cước hoặc được bỏ vào hòm thư.
2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp/mẫu giấy xác nhận tham dự sẽ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các Cổ đông có thể tiếp cận.
3. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông và tạo điều kiện cho Cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các Cổ đông theo quy định.

Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho Công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình thư mời họp, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết để đăng ký tại tổ chức đại hội.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. thông có quyền ủy quyền tối đa 03 người tham dự Đại hội đồng cổ đông.

* Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện, nếu không xác định sẽ được coi là chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

* Việc ủy quyền cho người đại diện hợp phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty đã gửi kèm thư mời hợp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

- Trường hợp Cổ đông cá nhân là Người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông và người được ủy quyền dự hợp.
- Trường hợp Cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự hợp.
- Trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự hợp;
- Người được ủy quyền dự hợp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân/ căn cước công dân/ hộ chiếu/ Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh (nếu là tổ chức) để kiểm tra và nộp lại văn bản là bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào hợp.

Điều 7. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu, Thông báo kết quả biểu quyết.

1. Trước khi khai mạc cuộc hợp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự hợp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy Cổ đông, họ và tên người được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó tương ứng với cổ phần mà Cổ đông đang nắm giữ. Thẻ biểu quyết này dung để biểu quyết tất cả các vấn đề quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Thẻ biểu quyết này dung để biểu quyết nhanh tại chỗ các vấn đề sau đây:
 - Thông qua danh sách Đoàn thư ký, Ban Kiểm phiếu.
 - Thông qua Chương trình hợp, Quy chế tổ chức hợp Đại hội đồng cổ đông, Thẻ lệ biểu quyết, bầu cử và kiểm phiếu.
 - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thống nhất đưa vào chương trình hợp.
4. Cổ đông/ Đại diện của Cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến. Chủ tọa sẽ trực tiếp tổ chức kiểm đếm và thông báo kết quả biểu quyết ngay.
5. Phiếu biểu quyết sẽ được gửi cho Cổ đông kèm theo thư mời hợp hoặc được đăng tải trên website của Công ty hoặc được Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông tại thời điểm tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông. Cổ đông hoặc người đại diện của Cổ đông sử dụng Phiếu biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung của chương trình hợp, gồm các Báo cáo, tờ trình và các quyết định khác được thông qua tại Đại hội. Cách ghi Phiếu Biểu quyết: Cổ đông/ Đại diện của Cổ đông thể hiện ý chí quyết định của mình bằng việc đánh dấu “x” vào một trong các ô: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến tương ứng với từng vấn đề được nêu trong Phiếu biểu quyết. Trong một Phiếu biểu quyết, các mục lấy ý kiến về từng nội dung được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần biểu quyết nội dung khác. Trường hợp Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn hoặc bị gạch xóa hoặc đánh dấu nhầm (và chưa bỏ vào thùng

phiếu), Cổ đông/ đại diện của Cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để được cấp lại Phiếu biểu quyết mới và phải nộp lại Phiếu biểu quyết cũ.

Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó với Thẻ biểu quyết hoặc sau khi kiểm phiếu đối với những vấn đề sử dụng Phiếu biểu quyết.

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

6. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu; trường hợp việc kiểm phiếu kéo dài sang ngày hôm sau thì Chủ tọa có trách nhiệm thông báo cho cổ đông dự họp kết quả kiểm phiếu thông qua website của Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 8. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông có quyền phản đối Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ công ty. Có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, ghi rõ họ tên, địa chỉ của Cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày Biên bản, Nghị quyết của Đại hội được thông qua.
2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty và Quy chế này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
 - Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
4. Trong mọi trường hợp, Cổ đông vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Ghi và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.

1. Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu đã quy định tại Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, kèm theo phụ lục Danh sách đăng ký cổ đông, Phiếu biểu quyết, Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết toàn văn được thông qua tại Đại hội, các tài liệu gửi kèm theo thư mời và các tài liệu phát tại Đại hội phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông và công bố ra công chúng.

1. Nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến các Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; việc gửi Nghị quyết và Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Mỗi Cổ đông quan tâm đều có thể tìm hiểu và tải về Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông từ trang Website: <http://hoangphucasia.com>.
2. Công ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông ra công chúng, tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

Điều 11. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Công ty đã quy định trong Điều 22 của Điều lệ về nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các Cổ đông xem xét tài liệu trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

1. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty thì thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cần có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - Thành viên Hội đồng Quản trị cần hạn chế nắm giữ kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty.
 - Có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá năm (05) công ty khác.

- Thành viên Hội đồng Quản trị có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định.
 - c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 13. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.

1. Các Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông tại ngày đăng ký thực hiện quyền có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm Cổ đông để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị.
2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ:
 - + Từ 05% đến dưới 30% được đề cử một (01) ứng viên.
 - + Từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.
 - + Từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.
 - + Từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.
 - + Từ 90% trở lên được tối đa năm (05) ứng viên.

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông phải gửi kèm Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu và thời điểm sở hữu của Cổ đông/nhóm Cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo quy định của Điều lệ và Quy chế này; danh sách đầy đủ của nhóm Cổ đông và văn bản thỏa thuận của nhóm Cổ đông về việc đề cử thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ chữ ký của các Cổ đông tham gia đề cử.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đề cử được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
4. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm.

5. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như sau:
- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ học vấn;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ các chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Họ tên của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có) .

Điều 14. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

- Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân bố đồng đều.
- Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.
- Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
- Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về Cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.
- Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - + Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu của Đại hội phát hành.
 - + Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của Cổ đông đó (gồm quyền sở hữu và quyền được ủy quyền).
 - + Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung.
 - + Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.

- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tiêu chí quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử.
 - + Căn cứ vào số lượng thành viên Hội đồng Quản trị được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - + Các ứng viên thành viên độc lập Hội đồng Quản trị sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên). Sau khi đã đạt số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định, việc chọn các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội đồng Quản trị không độc lập và độc lập còn lại (nếu có)). Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.
 - + Đối với các ứng viên không phải là ứng viên thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:
 - (i.) Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ tỷ lệ sở hữu cổ phần nhiều hơn sẽ ưu tiên được chọn.
 - (ii.) Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên Hội đồng Quản trị lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm/tháng đảm nhiệm.
 - + Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thành viên độc lập Hội đồng Quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.
 - + Kết quả bầu cử được công nhận sau khi Biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 15. Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Công ty nhận được văn bản xin từ chức hoặc kể từ ngày Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Các trường hợp khác tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị.
 - Có đơn từ chức.
 - Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng Quản trị.
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Thông báo họp Hội đồng quản trị.

1. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên tham dự (hoặc cán bộ quản lý khác theo yêu cầu quản trị của kỳ họp) ít nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng Quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình họp, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 19. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác.
 - Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.
 - Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị.
 - Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 - Các trường hợp khác (nếu có).
3. Từ khi có đề nghị, trong 07 ngày làm việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ ra triệu tập họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
4. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
5. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

Điều 20. Cách thức biểu quyết.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
2. Trừ quy định tại Khoản 1 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
3. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các Hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
4. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
5. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một Hợp đồng được quy định tại Khoản 5 Điều 38 Điều lệ Công ty và được coi là có lợi ích đáng kể trong Hợp đồng đó.

Điều 21. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 22. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - Thời gian, địa điểm họp.
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - Các vấn đề đã được thông qua.
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu cần thiết) có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Điều 23. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1. Khi thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro.
2. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị sẽ phê duyệt các nội dung về quyền hạn, quy trình và báo cáo của các tiểu ban.
3. Số lượng và cơ cấu thành viên của các tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định từng thời kỳ, tối thiểu có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/ thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
4. Tiêu chuẩn Trưởng tiểu ban và các thành viên của tiểu ban cũng như trách nhiệm của tiểu ban và từng thành viên do Hội đồng Quản trị quy định.
5. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và các quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 25. Ủy ban kiểm toán.

1. Công ty có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban Kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
 - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban Kiểm toán phải được Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
5. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.
6. Cuộc họp Ủy ban Kiểm toán: Ủy ban Kiểm toán họp ít nhất 02 (hai) lần trong 01 năm. Biên bản họp được lập rõ ràng, chi tiết và phải được lưu trữ đầy đủ. Người ghi Biên bản và các thành viên Ủy ban Kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào Biên bản cuộc họp. Ủy ban Kiểm toán thông qua Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban Kiểm

toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trường hợp ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán.

7. Hàng năm Ủy ban kiểm toán phải có báo cáo hoạt động về công tác giám sát các Hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, báo cáo gồm các nội dung sau:
 - Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban Kiểm toán và từng thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban Kiểm toán; Kết quả giám sát đối với Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.
 - Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty; Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp; Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông; các nội dung khác.
8. Các vấn đề khác có liên quan đến tổ chức hoạt động của Ủy ban Kiểm toán sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.

CHƯƠNG V

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 26. Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty.

1. Tiêu chuẩn của người điều hành Công ty tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
3. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 27. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Người điều hành của Công ty.

1. Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị làm Tổng Giám đốc hoặc cũng có thể là người được thuê theo Hợp đồng lao động. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

Các thành viên Hội đồng Quản trị có thể đề cử, ứng cử viên hoặc tự ứng cử cho vị trí Tổng Giám đốc. Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty, ...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

Hồ sơ đề nghị Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc do người đề cử, ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập.
- Chương trình hành động.
- Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác.
- Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính).
- Các kết luận kiểm tra, thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo và các giấy tờ liên quan khác đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm (nếu có).

Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng Quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết về việc bổ nhiệm để Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 28. Ký hợp đồng lao động đối với Người điều hành.

Trong trường hợp thuê Tổng giám đốc theo hợp đồng lao động, sau khi có quyết định bổ nhiệm Người điều hành Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) với Tổng Giám đốc. Đối với người điều hành khác sẽ do Tổng Giám đốc ký hợp đồng lao động. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với Người điều hành

1. Người điều hành xin từ chức làm đơn gửi cho Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị Công ty phải xem xét và quyết định. Trong thời gian chưa có ý kiến, quyết định của Hội đồng Quản trị thì Người điều hành đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.
2. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Người điều hành trong trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ.
 - Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.
 - Hết hợp đồng lao động và nghỉ hưu không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng.
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người điều hành trong các trường hợp sau:
- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty.
 - Vi phạm pháp luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
 - Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng Quản trị với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành.

Điều 30. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành.

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành trong nội bộ Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VI

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 31. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

1. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc một cách đồng thời.
2. Các Nghị quyết và Biên bản họp của Hội đồng Quản trị được đồng thời gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong vòng hai mươi tư (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp, đồng thời công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
3. Các trường hợp Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến của Hội đồng Quản trị:
 - Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
 - Khủng hoảng mà việc xử lý vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
 - Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Điều 32: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị:

- Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị không can thiệp vào hoạt động kinh doanh hàng ngày và công tác thuộc thẩm quyền của Ban Điều hành trừ khi xét thấy cần thiết.
- Hội đồng Quản trị tạo điều kiện và hỗ trợ để Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị giao phó.

- Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền trực tiếp yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và các cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp các thông tin về các lĩnh vực công việc mà thành viên đó được Hội đồng Quản trị phân công phụ trách. Với điều kiện là việc cung cấp thông tin đó phải phục vụ cho mục đích thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và việc cung cấp thông tin đó phải được thông báo bằng văn bản cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Các cán bộ quản lý khi được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.
- Hội đồng Quản trị có thể tham gia vào các cuộc họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp khác của Ban Điều hành.
- Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, Nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị giám sát thường xuyên công tác điều hành của Tổng Giám đốc, kiểm điểm và thực hiện nghị quyết Hội đồng Quản trị và các vấn đề được Hội đồng Quản trị ủy quyền, quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành Nghị quyết Hội đồng Quản trị và các vấn đề được Hội đồng Quản trị ủy quyền.

2. Tổng Giám đốc.

- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Tổng Giám đốc cần báo cáo thường xuyên cho Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Các vấn đề báo cáo bao gồm, nhưng không giới hạn các nội dung sau đây:
 - Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Phương hướng chiến lược thực hiện ngắn, dài hạn.
 - Kết quả tài chính của Công ty.
 - Các hoạt động đầu tư, triển khai kế hoạch kinh doanh.
- Sự tuân thủ của Ban Điều hành đối với luật pháp và công tác quản trị rủi ro, đạo đức kinh doanh;
 - Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị.
 - Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc.

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị Công ty tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Người điều hành khác.
2. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý (do Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm) trên cơ sở căn cứ vào các quy định của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị/toàn Công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các mức sau:
 - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
 - Hoàn thành nhiệm vụ.
 - Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 34. Khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành; Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Điều 36.
2. Chế độ khen thưởng:
 - Bằng tiền.
 - Bằng cổ phần hoặc hình thức khác (nếu có).
3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ:
 - Quỹ khen thưởng.
 - Quỹ thưởng của cổ đông khi lợi nhuận vượt.
 - Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể, phù hợp từng năm, giai đoạn, thời kỳ.

Điều 35. Xử lý vi phạm và kỷ luật.

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự

theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IIX

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 36. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm Thư ký Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 37. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Công ty.

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật.
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 38. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành. Tuy nhiên việc miễn nhiệm không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty cũng như thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 40. Nghĩa vụ công bố thông tin.

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và cho công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế công bố thông tin của Công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cho Cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 41. Công bố thông tin về quản trị Công ty.

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật (nếu có), tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau :
 - Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị và các tiểu ban.
 - Hoạt động của Hội đồng Quản trị và các tiểu ban.
 - Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập, không điều hành.
 - Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty.
 - Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành và các tiểu ban có phụ cấp, thù lao.
 - Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty, của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin tình hình quản trị theo quy định của pháp luật cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Đồng thời, có nghĩa vụ phải đăng tải các báo cáo tình hình quản trị công ty này trên website của Công ty.

Điều 42. Tổ chức công bố thông tin.

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:
 - Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
 - Đồng thời đề cử ít nhất một cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin.
 - Cán bộ chuyên chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.
2. Cán bộ chịu trách nhiệm là đầu mối công bố thông tin phải là người:
 - Có kiến thức tài chính, kế toán, có kỹ năng nhất định về tin học.
 - Công khai tên, số điện thoại làm việc, email để Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền khác và các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.
 - Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là liên hệ với các Cổ đông, ghi nhận ý kiến của các Cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các Cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.
 - Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, các cơ quan có thẩm quyền và công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG X

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 43. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế này với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 44. Giám sát.

Các đơn vị, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 46. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể trình Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định đưa vào nội dung lấy ý kiến trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 47. Điều khoản thi hành.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Trưởng các ban, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc, các cổ đông và cán bộ, công nhân viên của Công ty có trách nhiệm tuân thủ Quy chế này.

Điều 48. Hiệu lực

Quy chế này bao gồm mười hai (12) chương, năm mươi tám (48) điều được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức họp ngày 10 tháng 05 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 16/TT-ĐHCDTN2022/HPM

Lang Sơn, ngày 19 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH**V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc – HPM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại phiên họp ngày 26/11/2019 và các văn bản hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc hiện hành;
- Căn cứ Nghị quyết 04/2022/NQ-HĐQT/HPM ngày 18/04/2022 về việc thông qua báo cáo, tờ trình và một số chỉ tiêu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nhằm tăng hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty, tăng cường thể mạnh quản trị mỗi thành viên HĐQT và không có sự chồng chéo, đan xen giữa HĐQT và Ban điều hành. Hội đồng quản trị đã thực hiện xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Dự thảo Quy chế đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HCNS, HĐQT;
- Lưu TL ĐHCĐ 2022.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**VŨ THỊ HÀ**



DỰ THẢO

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC**

Lạng Sơn, ngày 10 tháng 05 năm 2022

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI VÀ KHOÁNG SẢN HOÀNG PHÚC
*(Ban hành theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ/HPM ngày 10/05/2022 của Đại hội đồng cổ
đồng thường niên năm 2022)*

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I..... | 1 |
| QUY ĐỊNH CHUNG | 1 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 1 |
| Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị | 1 |
| CHƯƠNG II | 1 |
| THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ..... | 1 |
| Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị | 1 |
| Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị | 2 |
| Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị..... | 2 |
| Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị..... | 2 |
| Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 3 |
| Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị..... | 5 |
| Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị | 5 |
| Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị..... | 6 |
| CHƯƠNG III..... | 7 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 7 |
| Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị | 7 |
| Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch | 8 |
| Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường..... | 8 |
| Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị. | 9 |
| CHƯƠNG IV | 10 |
| CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 10 |
| Điều 15. Cuộc họp Hội đồng Quản trị..... | 10 |
| Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị..... | 11 |
| CHƯƠNG V | 12 |
| BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH | 12 |
| Điều 17. Trình báo cáo hằng năm. | 12 |
| Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị..... | 12 |
| Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan..... | 13 |
| CHƯƠNG VI..... | 13 |
| MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 13 |
| Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị..... | 13 |
| Điều 21. Mối quan hệ với Ban Điều hành..... | 14 |

| | |
|---------------------------------|----|
| CHƯƠNG VII | 14 |
| ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH..... | 14 |
| Điều 22. Hiệu lực thi hành..... | 14 |

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty.
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
 - d) Báo cáo Hội đồng Quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 03 đến 05 người. Số lượng này sẽ được quyết định tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức bầu nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị;

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được tham gia làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tối thiểu 01 thành viên là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp có quyết định khác tại Đại hội đồng cổ đông kỳ bầu họp.

5. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty đã quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị cùng như thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.

6. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.

7. Cơ cấu Hội đồng Quản trị phải để đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và chứng khoán, đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị, đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.

- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty,.
- c) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

2. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định.
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty.
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng Quản trị và một số Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (nếu có) theo nguyên tắc quá bán.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị.

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị.
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- e) Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng Quản trị bằng văn bản trong trường hợp không tổ chức họp Hội đồng Quản trị.
- f) Thay mặt Hội đồng Quản trị phê duyệt và ký ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị; giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các văn bản đó.
- g) Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông.
- h) Ký văn bản ủy quyền cho một trong số các thành viên Hội đồng Quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.
- i) Kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty và đình chỉ hoặc huỷ bỏ các quyết định của bộ máy điều hành Công ty nếu trái Pháp luật, trái Điều lệ, trái Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trái Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị.
- j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp.
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty.
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp.

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị thực hiện như sau:

- a) Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng Quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng Quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng Quản trị và các Cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị

đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị. Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu thành viên HĐQT, HĐQT sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu thành viên HĐQT phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử thông qua tại Đại hội.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b) Trình độ chuyên môn.
- c) Quá trình công tác.
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của công ty khác).
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Điểm i, k, l Khoản 2 Điều 15 của Điều lệ này và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty.

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty.

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 5% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ.
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng Quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng Quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp.

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông.

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp.

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị.

e) Xác định thời gian và địa điểm họp.

g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp.

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị/thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác.
 - b) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị.
 - d) Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 - đ) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

12. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng Quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b) Thời gian, địa điểm họp.
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty.
 - b) Báo cáo tài chính.
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.
 - d) Báo cáo đánh giá thẩm định của Ủy ban kiểm toán nội bộ.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải có ý kiến thẩm soát của Ủy ban kiểm toán nội bộ Công ty.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán nội bộ và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng Quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng Quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng Quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị

xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng Quản trị thì các thành viên Hội đồng Quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban Điều hành.

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng Quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng Quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

2. Hội đồng Quản trị bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị các vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty.

4. Trường hợp phát hiện rủi ro hoặc sự cố ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Ban điều hành phải báo cáo ngay cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Khoáng sản Hoàng Phúc bao gồm 07 chương, 22 điều, được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 05 năm 2022.